TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 418/2026/DS-PT Ngày: 08 – 5 - 2026 V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dở di dời tài sản trên đất"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tám

Ông Chung Văn Kết

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Nơi - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Vi D - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2026/TLPT-DS ngày 29 tháng 02 năm 2026 về việc *"*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dở di dời tài sản trên đất*"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2156/2026/QĐPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Dương Chí T, sinh năm 1957, CCCD số 080057001697; địa chỉ: Số D đường L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ cũ: Số D đường L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

- *Bị đơn:* ông Trương Văn M, sinh năm 1949, CCCD số 075049003387; địa chỉ: Khu phố F, xã T, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ cũ: địa chỉ: Khu phố F, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai – Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Văn Ú, sinh năm 1975; địa chỉ: Số B, đường N, phường L, tỉnh Tây Ninh – Vắng mặt.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 22/02/2024).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn H, sinh năm 1939; địa chỉ: Ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An – Vắng mặt.

2. Ông Trần Công D1, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An – Vắng mặt.

3. Ông Trần Công B, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An – Vắng mặt.

4. Ông Trần Công Đ, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An – Vắng mặt.

5 Ông Trần Công N, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An – Vắng mặt.

6. Bà Đỗ Thị B1, sinh năm 1943; địa chỉ: G đường G, thành phố G, tiểu bang A, Hoa Kỳ;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Dương Chí T, sinh năm 1957, CCCD số 080057001697; địa chỉ: số D đường L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ cũ: Số D đường L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 02/5/2024).

7. Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1949; địa chỉ: Ấp E, xã M, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: Ấp E, xã L, huyện C, tỉnh Long An – Vắng mặt.

8. Bà Trương Thị L, sinh năm 1952; địa chỉ: A Bella Ava D, TX G, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Dương Chí T, sinh năm 1957, CCCD số 080057001697; địa chỉ: Số D đường L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ cũ: Số D đường L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 15/5/2024).

9. Bà Võ Thị Bích V, sinh năm 1955; địa chỉ: G S, B, B, Canada.

10. Chị Dương Thị Thu T1, sinh năm 1977; địa chỉ: G S, B, B, Canada.

11. Chị Dương Bảo T2, sinh năm 1982; địa chỉ: G S, B, B, Canada.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Trương Văn M.

NỘI DUNG:

Nguyên đơn ông Dương Chí T trình bày: ông là con ruột của cụ Trương Thị M1, cụ M1 sinh năm 1917 và mất năm 1998.

Người chồng thứ nhất của cụ M1 là cụ Đỗ Văn T3 (hiện đã chết). Cụ M1 và cụ T3 có 03 người con gồm: bà Đỗ Thị C, bà Đỗ Thị B1 và bà Đỗ Thị P. Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1939 (chết năm 2010) có chồng là ông Trần Văn H và 04

người con gồm: anh Trần Công D1, anh Trần Công B, anh Trần Công Đ và anh Trần Công N.

Người chồng thứ hai hiện đã chết không rõ họ tên, cụ M1 và người chồng thứ hai có 01 người con tên Trương Thị L.

Người chồng thứ ba là cụ Dương Văn B2 (chết năm 1978), cụ M1 và cụ B2 có 02 người con gồm: Dương Chí T, sinh năm 1957 và ông Dương Chí T (tên gọi khác là H1), sinh năm 1949 (mất năm 1996) có vợ là bà Võ Thị Bích V và 02 người con là chị Dương Thị Thu T1 và chị Dương Bảo T2.

Thửa đất 326, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại Ấp C, xã P, huyện B, tỉnh Long An cũ (sau đây được gọi tắt là thửa đất số 326) có nguồn gốc của cụ M1. Cụ M1 quản lý sử dụng từ trước năm 1975 đến năm 1998 tiến hành kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 132879, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0586, theo Quyết định số 71/1998/QĐ-UB ngày 20/3/1998. Đến ngày 28/4/1998 cụ M1 mất, thời gian sau do các con cụ M1 chưa có nhu cầu sử dụng nên bị ông Trương Văn M, cháu gọi cụ M1 bằng cô ruột đến quản lý, sử dụng bất hợp pháp thửa đất và tiến hành xây dựng, thay đổi hiện trạng thửa đất nêu trên. Nay ông là người kế thừa kế của cụ M1 khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn M tháo dỡ di dời tài sản trên đất và trả lại quyền sử dụng đất đối với thửa đất 326, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại Ấp C, xã P, huyện B, tỉnh Long An cũ cho những người thừa kế của cụ M1.

Bị đơn ông Trương Văn M trình bày: nguồn gốc của thửa đất 326, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại Ấp C, xã P, huyện B, tỉnh Long An là của bà nội ông là cụ Lưu Thị N1 (mất khoảng năm 1981-1982). Khoảng năm 1950, ông sinh sống trên thửa đất nêu trên cùng với cụ N1 cho đến khi trưởng thành thì đi lính. Khi ông đi lính thì cụ N1 cũng theo cụ M1 lên S sinh sống. Năm 1975, cụ N1, cụ M1 và cha ông (cụ Trương Văn S) về sinh sống trên thửa đất trên, thời gian sau ông cũng về sinh sống trên thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, do diện tích căn nhà chật hẹp nên ông có chuyển về sinh sống tại xã L, huyện C, tỉnh Long An. Đến khoảng năm 1980 -1981, cụ N1 và cụ S mất, cụ M1 tiếp tục sinh sống trên thửa đất đến khi cụ M1 mất vào năm 1998. Khoảng năm 2001-2002, khi ông về thăm họ hàng thì phát hiện thửa đất bị bỏ hoang nên ông có tiến hành khai hoang, xây dựng lại căn nhà trên thửa đất và quản lý sử dụng cho đến nay.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản trên đất và yêu cầu trả lại thửa đất số 326, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại Ấp C, xã P, huyện B, tỉnh Long An cũ cho những người thừa kế của cụ Trương Thị M1 thì ông không đồng ý vì phần đất trên là của bà nội, cụ Lưu Thị N1 để lại.

Tại bản án dân sự số 46/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, quyết định:

"... 1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện "tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản trên đất" giữa nguyên đơn ông Dương Chí T với bị đơn ông Trương Văn M.

Buộc ông Trương Văn M phải có nghĩa vụ tháo dỡ tài sản gồm: một căn nhà kiên cố diện tích 85,5m^2; một căn nhà bán kiên cố diện tích 25,8m^2 (dùng làm nhà kho) cùng hàng rào kết cấu: móng cột, bê tông cố thép, xây tường gạch (móng có gia cố) và lưới B40 để giao trả lại phần đất tranh chấp tại vị trí A diện tích đo đạc thực tế 1.162,2m^2, thuộc thửa đất số 326, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại Ấp C, xã P, huyện B, tỉnh Long An cũ (nay là Ấp C, xã M, tỉnh Tây Ninh) theo Mảnh trích đo địa chính ngày số 456-2024 do Công ty TNHH Đ1 đo vẽ, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B, tỉnh Long An duyệt ngày 22/11/2024 cho những người thừa kế của cụ Trương Thị M1, cụ thể: ông Dương Chí T, bà Đỗ Thị B1, bà Đỗ Thị P, bà Trương Thị L, bà Đỗ Thị C (đã chết, những người thừa kế gồm: ông Trần Văn H, anh Trần Công D1, anh Trần Công B, anh Trần Công Đ, anh Trần Công N) và ông Dương Chí T (tên gọi khác Dương Chí H1, sinh năm 1949 đã chết, những người thừa kế gồm: bà Võ Thị Bích V, chị Dương Thị Thu T1 và chị Dương Bảo T2).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Dương Chí T hỗ trợ chi phí di dời tài sản cho bị đơn ông Trương Văn M số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và tự nguyện cho ông M lưu cư thời gian 03 tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Những người thừa kế của cụ M1 có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai, điều chỉnh biến động, cấp đổi hoặc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Cơ quan Đăng ký đất đai và Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền căn cứ vào bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động đất đai, đăng ký thay đổi nội dung trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án…"

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Sau khi xét xử sơ thẩm:***

Ngày 08/10/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh nhận được đơn kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn M, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm,*** bị đơn ông Trương Văn M trình bày đồng ý trả lại phần đất tranh chấp cho nguyên đơn và những người thừa kế của cụ Trương Thị M1; tuy nhiên đề nghị được lưu cư thêm 03 tháng nữa và đề nghị nguyên đơn hỗ trợ thêm một khoản tiền ngoài số tiền cấp sơ thẩm đã ghi nhận.

Nguyên đơn ông Dương Chí T chỉ đồng ý cho bị đơn lưu cư thêm 03 tháng, không đồng ý hỗ trợ thêm khoản tiền nào khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn đồng ý trả lại phần đất tranh chấp, chỉ đề nghị được lưu cư thêm thời gian và được hỗ trợ thêm chi phí di dời. Nguyên đơn chỉ đồng ý cho bị đơn lưu cư thêm 03 tháng, không đồng ý hỗ trợ thêm chi phí di dời; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về nội dung tranh chấp, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về thời gian lưu cư và sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn M làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn M, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Phần đất tranh chấp tại vị trí A, diện tích đo đạc thực tế 1.162,2m^2, thuộc thửa đất số 326, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại Ấp C, xã P, huyện B, tỉnh Long An cũ, nay là Ấp C, xã M, tỉnh Tây Ninh, theo Mảnh trích đo địa chính số 456-2024 đã được các đương sự thống nhất về kết quả đo đạc. Nguyên đơn ông Dương Chí T cho rằng phần đất này có nguồn gốc của cụ Trương Thị M1, được cụ M1 quản lý, sử dụng từ trước năm 1975, đến năm 1998 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị đơn ông Trương Văn M cho rằng phần đất có nguồn gốc của cụ Lưu Thị N1, là bà nội của ông, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ hợp pháp chứng minh cho lời trình bày này.

[2.2] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện cụ Trương Thị M1 là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất và đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 132879, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0586, theo Quyết định số 71/1998/QĐ-UB ngày 20/3/1998 đối với thửa đất tranh chấp. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ M1 là căn cứ pháp lý quan trọng xác lập quyền sử dụng đất hợp pháp của cụ M1 đối với thửa đất này. Sau khi cụ Lưu Thị N1 chết, cụ M1 tiếp tục trực tiếp quản lý, sử dụng đất cho đến khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trong thời gian này ông M không có khiếu nại, tranh chấp gì. Do đó, cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp là di sản của cụ Trương Thị M1 để lại là có căn cứ.

[2.3] Bị đơn ông Trương Văn M cho rằng thửa đất có nguồn gốc của cụ Lưu Thị N1 nhưng không chứng minh được việc cụ N1 để lại đất cho ông hoặc ông có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất. Sau khi cụ Trương Thị M1 chết, quyền sử dụng đất nêu trên thuộc di sản thừa kế của cụ M1. Những người thừa kế của cụ M1 gồm ông Dương Chí T và các đồng thừa kế khác. Do phần đất tranh chấp là di sản của cụ M1, ông M không phải là người có quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất này nên việc ông M tự quản lý, sử dụng, xây dựng nhà và công trình trên đất là không có căn cứ pháp luật.

[2.4] Đối với các tài sản do ông Trương Văn M xây dựng trên đất, hồ sơ vụ án thể hiện ông M đã xây dựng một căn nhà bán kiên cố diện tích 25,8m² dùng làm nhà kho, hàng rào và sau đó tiếp tục xây dựng một căn nhà kiên cố diện tích 85,5m^2. Khi ông M xây dựng công trình trên đất, phía nguyên đơn đã có khiếu nại đến chính quyền địa phương. Như vậy, ông M biết hoặc phải biết việc xây dựng tài sản trên đất đang có tranh chấp, không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình nhưng vẫn thực hiện. Vì vậy, cấp sơ thẩm buộc ông M tháo dỡ, di dời tài sản để trả lại đất cho những người thừa kế của cụ M1 là phù hợp với quy định pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền sử dụng đất.

[2.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trương Văn M thừa nhận và đồng ý trả lại phần đất tranh chấp cho nguyên đơn và những người thừa kế của cụ Trương Thị M1, tuy nhiên đề nghị được lưu cư thêm 03 tháng nữa và đề nghị phía nguyên đơn hỗ trợ thêm một khoản tiền ngoài số tiền 100.000.000 đồng mà bản án sơ thẩm đã ghi nhận. Nguyên đơn ông Dương Chí T chỉ đồng ý cho bị đơn được lưu cư thêm 03 tháng nữa, tức tổng thời gian lưu cư là 06 tháng tính từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, nhưng không đồng ý hỗ trợ thêm khoản tiền nào khác ngoài số tiền 100.000.000 đồng đã được cấp sơ thẩm ghi nhận.

[2.6] Hội đồng xét xử xét thấy, việc nguyên đơn đồng ý cho bị đơn được lưu cư thêm 03 tháng nữa là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và có lợi cho bị đơn nên cần ghi nhận. Đối với yêu cầu của bị đơn đề nghị nguyên đơn hỗ trợ thêm tiền, ngoài số tiền 100.000.000 đồng mà cấp sơ thẩm đã ghi nhận, xét thấy đây là sự tự nguyện hỗ trợ của nguyên đơn, pháp luật không buộc nguyên đơn phải hỗ trợ thêm; nguyên đơn không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[2.7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng chứng cứ, xác định đúng nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất và quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn về nội dung tranh chấp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự có sự thỏa thuận mới về thời gian lưu cư, nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận nguyên đơn tự nguyện cho bị đơn lưu cư thêm 03

tháng, tổng cộng thời gian lưu cư là 06 tháng tính từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

[3] Quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Trương Văn M là người cao tuổi nên được miễn án phí theo luật định.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn M về yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Chí T.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh về thời gian lưu cư.

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện "tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản trên đất" giữa nguyên đơn ông Dương Chí T với bị đơn ông Trương Văn M.

Buộc ông Trương Văn M phải có nghĩa vụ tháo dỡ tài sản gồm: một căn nhà kiên cố diện tích 85,5m^2; một căn nhà bán kiên cố diện tích 25,8m^2 dùng làm nhà kho; hàng rào kết cấu móng cột, bê tông cốt thép, xây tường gạch có móng gia cố và lưới B40 để giao trả phần đất tranh chấp tại vị trí A, diện tích đo đạc thực tế 1.162,2m^2, thuộc thửa đất số 326, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại Ấp C, xã P, huyện B, tỉnh Long An cũ, nay là Ấp C, xã M, tỉnh Tây Ninh, theo Mảnh trích đo địa chính số 456-2024 do Công ty TNHH Đ1 đo vẽ, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B, tỉnh Long An duyệt ngày 22/11/2024 cho những người thừa kế của cụ Trương Thị M1, cụ thể: ông Dương Chí T, bà Đỗ Thị B1, bà Đỗ Thị P, bà Trương Thị L, bà Đỗ Thị C đã chết, những người thừa kế gồm ông Trần Văn H, ông Trần Công D1, ông Trần Công B, ông Trần Công Đ, ông Trần Công N và ông Dương Chí T tên gọi khác Dương Chí H1, sinh năm 1949 đã chết, những người thừa kế gồm bà Võ Thị Bích V, chị Dương Thị Thu T1 và chị Dương Bảo T2.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Dương Chí T hỗ trợ chi phí di dời tài sản cho bị đơn ông Trương Văn M số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Dương Chí T cho

bị đơn ông Trương Văn M được lưu cư tổng thời gian 06 (sáu) tháng tính từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

2.3. Những người thừa kế của cụ Trương Thị M1 có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai, điều chỉnh biến động, cấp đổi hoặc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Cơ quan đăng ký đất đai và cơ quan tài nguyên và môi trường có thẩm quyền căn cứ vào bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động đất đai, đăng ký thay đổi nội dung trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: ông Trương Văn M được miễn án phí.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu: DS, VP, 21b-TVN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Mười